

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,389,814,047,648	965,658,787,106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		70,094,783,275	77,060,328,531
1. Tiền	111	V.01	41,853,183,275	20,856,528,531
2. Các khoản tương đương tiền	112		28,241,600,000	56,203,800,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	83,320,096,883	263,392,572,242
1. Đầu tư ngắn hạn	121		84,323,289,883	264,577,953,842
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,003,193,000)	(1,185,381,600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		649,798,854,076	382,815,612,168
1. Phải thu khách hàng	131		453,954,315,252	332,713,913,062
2. Trả trước cho người bán	132		40,422,570,580	25,370,402,301
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	183,668,609,554	31,006,704,517
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(28,246,641,310)	(6,275,407,712)
IV. Hàng tồn kho	140		508,686,212,960	231,318,190,899
1. Hàng tồn kho	141	V.04	508,686,212,960	231,318,190,899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		77,914,100,455	11,072,083,266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,887,048,297	3,124,041,713
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,213,211,340	1,111,715,097
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	18,971,129,135	25,583,585
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		52,842,711,683	6,810,742,871

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		735,456,246,139	585,609,114,388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		231,803,931,699	107,119,765,970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	173,453,079,959	90,026,002,052
- Nguyên giá	222		244,878,357,686	143,285,403,786
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(71,425,277,727)	(53,259,401,734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1,659,355,124	1,875,792,758
- Nguyên giá	225		2,164,376,238	2,164,376,238
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(505,021,114)	(288,583,480)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	32,944,563,787	10,292,985,011
- Nguyên giá	228		36,420,050,118	13,284,887,600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,475,486,331)	(2,991,902,589)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	23,746,932,829	4,924,986,149
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	12,370,474,344	2,607,000,000
- Nguyên giá	241		13,684,889,298	2,607,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1,314,414,954)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	297,555,959,206	407,854,364,368
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		83,185,278,512	22,565,729,390
3. Đầu tư dài hạn khác	258		252,411,040,000	385,288,634,978
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(38,040,359,306)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8,858,530,048	3,949,204,140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8,435,136,989	3,350,756,581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	82,951,988
3. Tài sản dài hạn khác	268		423,393,059	515,495,571
VI. Lợi thế Thương mại			184,867,350,842	64,078,779,911
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,125,270,293,787	1,551,267,901,494

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,135,298,999,757	695,211,121,757
I. Nợ ngắn hạn	310		1,056,147,713,719	570,712,870,062
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	613,203,581,255	265,109,288,432
2. Phải trả người bán	312		148,920,239,255	88,159,959,335
3. Người mua trả tiền trước	313		242,543,219,339	178,385,232,846
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	10,245,014,484	16,583,850,320
5. Phải trả người lao động	315		4,455,079,720	8,028,228,073
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,509,049,913	7,089,322,693
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	29,795,559,039	3,128,246,232
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2,398,247,968	2,159,184,449
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,077,722,746	2,069,557,682
II. Nợ dài hạn	330		79,151,286,038	124,498,251,695
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		3,963,161,730	3,514,637,873
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	55,822,388,310	110,443,261,104
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	1,530,000,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		237,129,513	232,496,748
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		19,128,606,485	8,777,855,970
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		788,594,385,892	729,603,674,897
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	788,594,385,892	729,603,674,897
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		538,203,940,000	438,203,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		208,061,780,155	181,796,010,000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1,015,459,718	5,884,684,682
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,649,596,131	4,649,596,131
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		435,087,978	435,087,978
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,914,670,142	3,807,986,471
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30,313,851,768	94,826,369,635
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ			201,376,908,138	126,453,104,841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,125,270,293,787	1,551,267,901,494

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	1,326,571,281
5. Ngoại tệ các loại			
USD		608.30	106,430.04
EUR		-	8,359.39
JPY		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7. Mệnh giá Cổ phiếu ủy thác		-	2,674,480,000

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Phong

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2011
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm nay	Quý II năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	800,319,251,577	353,311,751,087
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	10,449,445,106	1,610,070,963
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	789,869,806,471	351,701,680,124
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	728,341,537,055	286,962,307,082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61,528,269,416	64,739,373,042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	8,724,459,810	9,707,185,208
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	86,310,667,339	11,671,276,494
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,865,891,626	6,355,907,675
8. Chi phí bán hàng	24		31,819,559,667	12,283,608,158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36,551,943,660	16,488,245,361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(84,429,441,440)	34,003,428,237
11. Thu nhập khác	31		77,951,429,394	1,103,964,982
12. Chi phí khác	32		2,240,947,537	611,971,444
13. Lợi nhuận khác	40		75,710,481,857	491,993,538
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh			729,718,507	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7,989,241,076)	34,495,421,775
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	495,063,311	5,150,192,584
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	4,028,444,324
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(8,484,304,387)	25,316,784,867
19.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(10,232,249,523)	5,170,752,614
19.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1,747,945,136	20,146,032,253
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		40	745

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Phong

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Quý II năm nay	Quý II năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1236 906 778 257	1126 005 274 827
2. Tiền chi trả cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(532 769 200 707)	(776 170 226 353)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26 542 591 651)	(21 112 597 498)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(32 979 256 660)	(11 549 495 011)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2 304 331 173)	(599 850 695)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	495 838 642 483	359 933 388 700
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(565 238 290 647)	(561 783 245 548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	572 911 749 902	114 723 248 422
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kt 21		(735 845 877)	(34 054 902)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn kt 22		325 829 428	350 000 000
3. Tiền chi cho vay, mua bán CCDC của đơn vị khác	23	(103 402 680 000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	66 656 160 000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(182 078 301 854)	(15 434 203 333)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	81 656 160 000	37 558 370 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28	66 656 160 000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(70 922 518 303)	22 440 111 765
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	39 000 000 000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	178 748 700 765	124 149 759 485
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(653 411 281 819)	(243 004 179 841)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3 545 003 280)	(3 205 285 148)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36 222 795)	(770 250 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(439 243 807 129)	(122 829 955 504)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50		62 745 424 470	14 333 404 683
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	V.1	4 191 346 906	53 084 276 419
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3 158 011 899	779 771 202
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	V.1	70 094 783 275	68 197 452 304

Kế toán trưởng:

Đỗ Quang Phong

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (DẠNG TÓM TẮT)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	13,629,709,099	2,916,464,480
- Tiền gửi ngân hàng	28,196,365,578	17,789,550,447
- Tiền đang chuyển	27,108,598	150,513,604
Cộng	41,853,183,275	20,856,528,531

02. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	84,323,289,883	264,577,953,842
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	31,486,889,883	172,634,163,302
- Đầu tư ngắn hạn khác	52,836,400,000	91,943,790,540
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1,003,193,000)	(1,185,381,600)
Cộng	83,320,096,883	263,392,572,242

03. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Phải thu của khách hàng	453,954,315,252	332,713,913,062
- Trả trước cho người bán	40,422,570,580	25,370,402,301
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	-	-
- Phải thu khác	183,668,609,554	31,006,704,517
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28,246,641,310)	(6,275,407,712)
Cộng	649,798,854,076	382,815,612,168

04. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	747,746,891	1,572,079,173
- Nguyên liệu, vật liệu	167,866,052,945	92,380,859,215
- Công cụ, dụng cụ	1,826,706,608	541,487,183
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	223,729,415,490	69,706,340,024
- Thành phẩm	29,396,867,934	34,386,812,171
- Hàng hoá	85,078,994,855	32,498,834,759
- Hàng gửi đi bán	40,428,237	231,778,374
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	508,686,212,960	231,318,190,899

05. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
	2,887,048,297	3,124,041,713
Cộng	2,887,048,297	3,124,041,713

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	16,673,160,574	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	19,017,328	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2,120,706,443	23,715,799
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	1,867,786
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	-
- Thuế khác nộp thừa	158,244,790	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	18,971,129,135	25,583,585

07. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	1,906,021,281	15,379,725
- Tạm ứng	44,279,610,418	3,275,347,325
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,657,079,984	3,520,015,821
Cộng	52,842,711,683	6,810,742,871

08. Tài sản cố định

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản cố định hữu hình	173,453,079,959	90,026,002,052
- Nguyên giá	244,878,357,686	143,285,403,786
- Hao mòn lũy kế	(71,425,277,727)	(53,259,401,734)
Tài sản cố định vô hình	1,659,355,124	1,875,792,758
- Nguyên giá	2,164,376,238	2,164,376,238
- Hao mòn lũy kế	(505,021,114)	(288,583,480)
Tài sản cố định thuê tài chính	32,944,563,787	10,292,985,011
- Nguyên giá	36,420,050,118	13,284,887,600
- Hao mòn lũy kế	(3,475,486,331)	(2,991,902,589)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23,746,932,829	4,924,986,149
Cộng	231,803,931,699	107,119,765,970

09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	83,185,278,512	22,565,729,390
- Đầu tư vào công ty liên kết	62,162,864,544	22,565,729,390
- Đầu tư vào công ty liên doanh	21,022,413,968	-
Đầu tư dài hạn khác	252,411,040,000	385,288,634,978
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(38,040,359,306)	-
Cộng	297,555,959,206	407,854,364,368

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	8,435,136,989	3,350,756,581
Cộng	8,435,136,989	3,350,756,581

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	82,951,988
Cộng	-	82,951,988

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	269,707,098	515,495,571
- Tài sản dài hạn khác	153,685,961	-
Cộng	423,393,059	515,495,571

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	609,890,674,525	256,668,957,480
- Vay ngân hàng	296,751,605,491	242,654,007,480
- Vay đối tượng khác	313,139,069,034	14,014,950,000
+ Công ty CP Alphanam - Cenco 4	40,000,000	40,000,000
+ Công ty CP Aphanam miền trung	12,426,400,000	-
+ Công ty CP Aphanam	1,900,000,000	-
+ Bà đồ Thị Minh Anh	11,589,900,000	11,856,000,000
+ Ông Nguyễn Hữu Việt	778,700,000	118,950,000
+ Công ty Cổ phần Facific - Alpha Việt Nam	2,000,000,000	2,000,000,000
+ Vay khác	284,404,069,034	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3,312,906,730	8,440,330,952
+ Vay dài hạn đến hạn trả	3,126,310,370	8,064,721,412
+ Nợ thuê tài chính	186,596,360	375,609,540
Cộng	613,203,581,255	265,109,288,432

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người bán	148,920,239,255	88,159,959,335
Cộng	148,920,239,255	88,159,959,335

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	242,543,219,339	178,385,232,846
Cộng	242,543,219,339	178,385,232,846

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2,493,715,485	7,793,782,665
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	398,037,178	713,146,269
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	124,495,319	237,366,107
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,112,831,962	7,531,349,192

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế thu nhập cá nhân	115,934,540	71,235,087
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	236,971,000
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	10,245,014,484	16,583,850,320

17. Phải trả người lao động	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4,455,079,720	8,028,228,073
Cộng	4,455,079,720	8,028,228,073

18. Chi phí phải trả	Số cuối quý	Số đầu năm
- Chi phí phải trả	1,509,049,913	7,089,322,693
- Chi phí khác	-	-
Cộng	1,509,049,913	7,089,322,693

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	(234,797,943)	58,817,892
- Kinh phí công đoàn	955,423,960	618,765,584
- Bảo hiểm xã hội	199,795,027	59,577,000
- Bảo hiểm y tế	50,613,634	4,068,000
- Bảo hiểm thất nghiệp	14,418,761	-
- Phải trả về cổ phần hóa	615,316	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28,809,490,284	2,387,017,756
+ Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	1,223,385,928	-
+ Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	4,744,057,001	-
+ Chi nhánh Công ty Liên doanh Fuji - Alphanam	188,655,071	-
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	2,000,000,000	-
+ Cổ tức phải trả Fujiliet&Escalator ManufacturingSDn.BHD	-	213,200,000
+ Cổ tức phải trả Fuji Elevator Co.,Ltd	-	213,200,000
+ Nguyễn Minh Thông	485,000,000	-
+ Nguyễn Như Hòa - Cty CP ALP miền Trung	300,000,000	-
+ Nguyễn Tuấn Hải	730,000,000	-
+ Công ty TNHH Phú Thái Holdings	15,000,000,000	-
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải - cho vay không tính lãi	-	6,000,000
+ Công ty Lâm Sơn Tùng tiền vay	-	523,759,804
+ Các đối tượng khác	4,138,392,284	1,430,857,952
Cộng	29,795,559,039	3,128,246,232

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2,398,247,968	2,159,184,449
Cộng	2,398,247,968	2,159,184,449

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Số cuối quý	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,077,722,746	2,069,557,682
Cộng	3,077,722,746	2,069,557,682
22. Phải trả dài hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,445,464,232	2,823,903,610
- Phải trả dài hạn khác	2,517,697,498	690,734,263
Cộng	3,963,161,730	3,514,637,873
23. Vay và nợ dài hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay dài hạn	55,822,388,310	109,198,547,613
- Nợ dài hạn	-	1,244,713,491
Cộng	55,822,388,310	110,443,261,104
- Các khoản nợ thuê tài chính		
24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1,530,000,000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	1,530,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác

Cộng**Quý II năm nay****Quý II năm trước**

375,262,540,239

104,073,696,231

-

128,804,384,832

10,942,605,293

1,602,178,533

133,400,146,413

83,141,490,679

280,713,959,632

35,690,000,812

800,319,251,577**353,311,751,087****02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng**Quý II năm nay****Quý II năm trước**

6,012,868,041

(990,083,845)

-

544,462,396

4,436,577,065

2,055,692,412

10,449,445,106**1,610,070,963****03. Giá vốn hàng bán (Mã Số 11)**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn của hoạt động xây dựng
- Giá vốn của bất động sản
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Giá vốn của bất động sản

Cộng**Quý II năm nay****Quý II năm trước**

504,427,422,838

87,825,131,018

89,158,150,112

88,812,145,267

21,534,406,471

1,616,491,110

113,221,557,634

73,090,557,925

-

35,617,981,762

-

-

-

-

728,341,537,055**286,962,307,082****04. Chi phí tài chính (Mã số 22)**

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh lãi bán hàng trả chậm
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lỗ đầu tư chứng khoán
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác

Cộng**Quý II năm nay****Quý II năm trước**

13,380,388,613

6,355,907,675

2,218,063,274

627,024,253

12,498,966,980

3,329,936,400

3,407,345,739

957,231,318

89,010,800

-

-

-

-

-

31,738,170,706

335,354,000

22,978,721,227

65,822,848

86,310,667,339**11,671,276,494**

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Chi phí bán hàng (Mã số 24)**

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
- Chi phí nhân viên	9,542,808,756	4,225,745,731
- Chi phí vật liệu bao bì	1,437,512,736	399,521,997
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	756,477,259	71,737,534
- Chi phí khấu hao TSCĐ	629,875,703	279,549,638
- Chi phí bảo hành	1,140,301,292	1,093,343,984
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,679,592,398	4,751,746,096
- Chi phí bằng tiền khác	10,632,991,523	1,461,963,178
Cộng	31,819,559,667	12,283,608,158

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	11,120,841,168	5,597,501,791
- Chi phí vật liệu	252,408,766	15,956,619
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1,251,631,667	300,376,767
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,670,503,953	889,140,975
- Thuế, phí và lệ phí	379,005,942	431,517,647
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,970,895,643	1,315,363,918
- Lợi thế thương mại	-	8,678,051,599
- Chi bằng tiền khác	11,906,656,521	739,663,955
Cộng	36,551,943,660	16,488,245,361

07. Thu nhập khác (Mã số 31)

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
- Thu khác	77,951,429,394	1,103,964,982
Cộng	77,951,429,394	1,103,964,982

08. Chi phí khác (Mã số 32)

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
- Chi khác	2,240,947,537	611,971,444
Cộng	2,240,947,537	611,971,444

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	495,063,311	5,150,192,584
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	495,063,311	5,150,192,584

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	4,028,444,324
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	4,028,444,324

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Phong

Lập ngày 15 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
ALPHANAM
H. VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Tuấn Hải

C.T.C.P. M.